

## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



## **MỤC LỤC**

|  | Trang   |
|--|---------|
| <b>BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>           | 1 – 2   |
| <b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>           | 3 – 4   |
| <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b> |         |
| Bảng cân đối kế toán                       | 5 – 8   |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh       | 9       |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                 | 10      |
| Thuyết minh báo cáo tài chính              | 11 – 32 |



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 1. Công ty

Công ty Cổ phần Domenal là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ và vốn thực góp của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 125.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DMN và theo Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021 thì ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, các loại hóa chất.);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản; bán buôn thuốc bảo vệ thực vật; kho bãi và lưu giữ hàng hoá.

### 2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và Tên           | Chức vụ    |
|---------------------|------------|
| Ông Võ Đình Ân      | Chủ tịch   |
| Ông Nguyễn Thanh Hà | Thành viên |
| Ông Võ Đình Hải     | Thành viên |

#### Ban Kiểm soát

| Họ và Tên             | Chức vụ    |
|-----------------------|------------|
| Bà Nguyễn Ngọc Yến    | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên |
| Bà Trần Thuý Vân      | Thành viên |

#### Tổng Giám đốc

| Họ và Tên           | Chức vụ       |
|---------------------|---------------|
| Ông Nguyễn Thanh Hà | Tổng Giám đốc |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

| Họ và Tên           | Chức vụ       |
|---------------------|---------------|
| Ông Nguyễn Thanh Hà | Tổng Giám đốc |

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính, kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty phải:

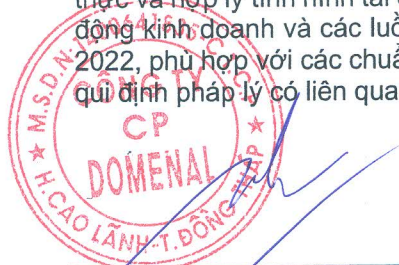
- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**7. Công bố các báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ông NGUYỄN THANH HÀ  
Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 27 tháng 03 năm 2023





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**PKF**

Accountants &  
business advisers

Số: 116/2022/BCKT-HCM.00247

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông  
Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Domenal (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại mục 5.3 và mục 5.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa trích lập dự phòng các khoản Phải thu ngắn hạn khách hàng và Phải thu ngắn hạn khác quá hạn chưa thanh toán, dẫn đến khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán đang được phản ánh theo giá gốc thay vì phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc ghi nhận như vậy là chưa tuân thủ Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thu hồi được thì trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) sẽ giảm đi tương ứng 69.215.651.251 VND.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Domenal tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh 9.3 trong báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản Nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá Tài sản ngắn hạn với số tiền là 27.726.973.313 VND. Những điều kiện này, cũng như những vấn đề khác được nêu ở thuyết minh mục 9.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

**LÊ NGỌC HẢI**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2023-009-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND      | 01/01/2022<br>VND      |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                   |            |             |                        |                        |
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>100</b> |             | <b>211.365.889.865</b> | <b>310.880.593.849</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | 5.1         | <b>3.967.692.981</b>   | <b>734.498.144</b>     |
| Tiền   | 111        |             | 3.967.692.981          | 734.498.144            |
| Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>       | <b>120</b> |             | -                      | -                      |
| Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                      | -                      |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>               | <b>130</b> |             | <b>174.163.925.811</b> | <b>280.328.041.615</b> |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | 5.3         | 171.127.569.490        | 264.231.605.561        |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | 5.4         | 204.150.927            | 13.258.582.610         |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | 5.5         | 2.832.205.394          | 2.837.853.444          |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                      | -                      |
| Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>Hàng tồn kho</b>                              | <b>140</b> | 5.6         | <b>31.282.995.499</b>  | <b>27.954.413.160</b>  |
| Hàng tồn kho                                     | 141        |             | 31.282.995.499         | 27.954.413.160         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>1.951.275.574</b>   | <b>1.863.640.930</b>   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | 5.7         | 87.634.644             | -                      |
| Thuế GTGT được khấu trừ                          | 152        |             | 1.863.640.930          | 1.863.640.930          |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND      | 01/01/2022<br>VND      |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                               |            |             |                        |                        |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>173.763.922.885</b> | <b>69.077.119.335</b>  |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>220</b> |             | <b>35.553.691.661</b>  | <b>39.256.386.209</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 5.8         | 25.019.856.496         | 28.722.551.044         |
| Nguyên giá                                   | 222        |             | 84.767.547.821         | 84.597.547.821         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (59.747.691.325)       | (55.874.996.777)       |
| Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                   | 225        |             | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |             | -                      | -                      |
| Tài sản cố định vô hình                      | 227        | 5.9         | 10.533.835.165         | 10.533.835.165         |
| Nguyên giá                                   | 228        |             | 10.563.835.165         | 10.563.835.165         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (30.000.000)           | (30.000.000)           |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                   | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                   | 231        |             | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>    | <b>250</b> | 5.2         | <b>137.400.000.000</b> | <b>29.400.000.000</b>  |
| Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | 108.000.000.000        | -                      |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | 29.400.000.000         | 29.400.000.000         |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>260</b> |             | <b>810.231.224</b>     | <b>420.733.126</b>     |
| Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | 5.7         | 810.231.224            | 420.733.126            |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>385.129.812.750</b> | <b>379.957.713.184</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND      | 01/01/2022<br>VND      |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                 |            |             |                        |                        |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                               | <b>300</b> |             | <b>239.092.863.178</b> | <b>244.351.779.521</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>239.092.863.178</b> | <b>244.351.779.521</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | 5.10        | 20.662.065.635         | 17.376.340.846         |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | 5.11        | 30.006.623.906         | 43.739.338.475         |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | 5.12        | 2.614.929.492          | 1.219.451.969          |
| Phải trả người lao động                          | 314        |             | 928.914.127            | 701.015.661            |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | 5.13        | 325.475.015            | 210.090.357            |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | 5.14        | 4.558.006.503          | 1.130.974.106          |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                | 320        | 5.15        | 179.996.848.500        | 179.974.568.107        |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn                       | 321        |             | -                      | -                      |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                        | 322        |             | -                      | -                      |
| Quỹ bình ổn giá                                  | 323        |             | -                      | -                      |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>Nợ dài hạn</b>                                | <b>330</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| Cổ phiếu ưu đãi                                  | 340        |             | -                      | -                      |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 341        |             | -                      | -                      |
| Dự phòng phải trả dài hạn                        | 342        |             | -                      | -                      |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 343        |             | -                      | -                      |

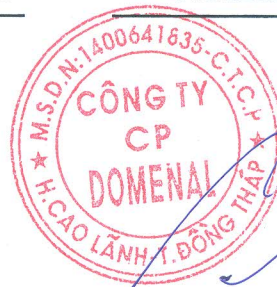
**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND      | 01/01/2022<br>VND      |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>400</b> |             | <b>146.036.949.572</b> | <b>135.605.933.663</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | 5.16        | <b>146.036.949.572</b> | <b>135.605.933.663</b> |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu                    | 411        |             | 125.000.000.000        | 125.000.000.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                      | -                      |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 2.844.843.798          | 799.603.018            |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                | 420        |             | -                      | -                      |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối            | 421        |             | 18.192.105.774         | 9.806.330.645          |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 7.761.089.865          | 2.988.861.379          |
| LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 10.431.015.909         | 6.817.469.266          |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB                        | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>              | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ            | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                   | <b>440</b> |             | <b>385.129.812.750</b> | <b>379.957.713.184</b> |

**DƯƠNG NGỌC THU**  
Người lập biểu**NGUYỄN THỊ KIỀU**  
Kế toán trưởng**NGUYỄN THANH HÀ**  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 03 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

|  | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND       | Năm 2021<br>VND       |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ               | 01        |             | 638.522.996.570       | 408.066.975.500       |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        |             | -                     | -                     |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 10        | 6.1         | 638.522.996.570       | 408.066.975.500       |
| Giá vốn hàng bán                                     | 11        | 6.2         | 614.569.494.786       | 390.303.259.885       |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>23.953.501.784</b> | <b>17.763.715.615</b> |
| Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | 6.3         | 1.929.866.246         | 4.618.947.906         |
| Chi phí tài chính                                    | 22        | 6.4         | 10.305.967.585        | 10.751.969.981        |
| - Trong đó, chi phí lãi vay                          | 23        |             | 10.305.816.023        | 10.751.585.149        |
| Chi phí bán hàng                                     | 25        | 6.5         | 47.215.000            | 156.238.896           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 26        | 6.6         | 2.393.546.672         | 3.071.626.548         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>       | <b>30</b> |             | <b>13.136.638.773</b> | <b>8.402.828.096</b>  |
| Thu nhập khác  | 31        | 6.7         | 6.168.464             | 6.871.317             |
| Chi phí khác   | 32        | 6.8         | 98.297.560            | 25.673.128            |
| <b>Lợi nhuận/ (lỗ) khác</b>                          | <b>40</b> |             | <b>(92.129.096)</b>   | <b>(18.801.811)</b>   |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>             | <b>50</b> |             | <b>13.044.509.677</b> | <b>8.384.026.285</b>  |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                          | 51        | 5.12        | 2.613.493.768         | 1.566.557.019         |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                           | 52        |             | -                     | -                     |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>      | <b>60</b> |             | <b>10.431.015.909</b> | <b>6.817.469.266</b>  |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                             | 70        | 6.9         | 834                   | 545                   |



**DƯƠNG NGỌC THƯ**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ KIỀU**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN THANH HÀ**  
Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 27 tháng 03 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

|  | Mã số     | Năm 2022<br>VND          | Năm 2021<br>VND        |
|--|-----------|--------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>  |           |                          |                        |
| Lợi nhuận trước thuế   | 01        | 13.044.509.677           | 8.384.026.285          |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>  |           |                          |                        |
| Khấu hao tài sản cố định   | 02        | 3.872.694.548            | 3.973.800.972          |
| Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)   | 03        | -                        | -                      |
| (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04        | 151.562                  | 384.832                |
| (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | (5.697.915)              | (1.253.827)            |
| Chi phí lãi vay  | 06        | 10.305.816.023           | 10.751.585.149         |
| Các khoản điều chỉnh khác  | 07        | -                        | -                      |
| <b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>  | <b>08</b> | <b>27.217.473.895</b>    | <b>23.108.543.411</b>  |
| (Tăng), giảm các khoản phải thu  | 09        | 106.164.115.804          | (42.071.024.895)       |
| (Tăng), giảm hàng tồn kho  | 10        | (3.328.582.339)          | (9.395.519.969)        |
| Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | (5.836.437.537)          | 45.834.157.663         |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước  | 12        | (477.132.742)            | 1.223.940.971          |
| (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        | -                        | -                      |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14        | (10.387.146.971)         | (10.823.474.827)       |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15        | (1.216.557.019)          | (1.916.046.869)        |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        | -                        | -                      |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  | 17        | -                        | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>                                   | <b>20</b> | <b>112.135.733.091</b>   | <b>5.960.575.485</b>   |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>  |           |                          |                        |
| Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác  | 21        | (170.000.000)            | -                      |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác   | 22        | -                        | -                      |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác   | 23        | -                        | -                      |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                     | 24        | -                        | -                      |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 25        | (108.000.000.000)        | -                      |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 26        | -                        | -                      |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia  | 27        | 5.697.915                | 1.253.827              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> | <b>(108.164.302.085)</b> | <b>1.253.827</b>       |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |           |                          |                        |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                      | 31        | -                        | -                      |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ  | 32        | -                        | -                      |
| Tiền thu từ đi vay   | 33        | 574.591.289.687          | 441.393.061.653        |
| Tiền chi trả nợ gốc vay  | 34        | (574.569.009.294)        | (441.412.357.722)      |
| Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính   | 35        | -                        | -                      |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu  | 36        | (760.365.000)            | (5.267.260.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> | <b>(738.084.607)</b>     | <b>(5.286.556.069)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>   | <b>50</b> | <b>3.233.346.399</b>     | <b>675.273.243</b>     |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>  | <b>60</b> | <b>734.498.144</b>       | <b>59.609.733</b>      |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ  | 61        | (151.562)                | (384.832)              |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>   | <b>70</b> | <b>3.967.692.981</b>     | <b>734.498.144</b>     |



**DƯƠNG NGỌC THƯ**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ KIỀU**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN THANH HÀ**  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 03 năm 2023



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ và vốn thực góp của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 125.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DMN và theo Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021 thì ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 11 năm 2021.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thương mại.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2022, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản; bán buôn thuốc bảo vệ thực vật.

### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết được chi tiết như sau:

#### Công ty con

| Tên công ty                           | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính                             | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu |
|---------------------------------------|---|--|---------------|------------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát | Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam | Sản xuất, kinh doanh và chế biến các loại thủy hải sản | 100%          | 100%                   | 100%              |

#### Công ty liên kết

| Tên công ty                          | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính                              | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu |
|--------------------------------------|---|---|---------------|------------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát | Lô 6A, đường Trục Chính, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản | 39,2%         | 39,2%                  | 39,2%             |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 66 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 49 người).

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

##### Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con liên kết cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

##### Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

|                                 | Năm     |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 09 – 25 |
| Máy móc và thiết bị             | 04 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 |
| Thiết bị văn phòng              | 04      |
| Tài sản cố định khác            | 04      |

#### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

#### 4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.14 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

###### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 4.16 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## 4.19 Công cụ tài chính

### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi. Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan.

Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

## 4.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

Đối tượng sau đây được xem là các bên liên quan:

### Đối tượng

Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát  
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

### Quan hệ

Công ty con  
Công ty liên kết  
Thành viên quản lý chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                     | 31/12/2022<br>VND    | 01/01/2022<br>VND  |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Tiền mặt tồn quỹ - VND              | 2.214.448            | 13.709.816         |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*) |                      |                    |
| - VND                               | 3.961.000.668        | 716.158.901        |
| - USD (**)                          | 4.477.865            | 4.629.427          |
|                                     | <b>3.967.692.981</b> | <b>734.498.144</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 01 tháng đến 03 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,3% - 4,8%/năm.

(\*\*) Khoản tiền gửi ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 191,28 USD tương đương 4.477.865 VND.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

|   | 31/12/2022             |                 |                          | 01/01/2022            |                 |                          |
|---|------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|
|   | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>hợp lý<br>VND |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>             |                        |                 |                          |                       |                 |                          |
| Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát (1) | 108.000.000.000        | -               | (*)                      | -                     | -               |                          |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>        |                        |                 |                          |                       |                 |                          |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát (2)  | 29.400.000.000         | -               | (*)                      | 29.400.000.000        | -               | (*)                      |
|   | <b>137.400.000.000</b> | -               |                          | <b>29.400.000.000</b> | -               |                          |

(1) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát, với số tiền là 108.000.000.000 VND, với tỷ lệ sở hữu là 100%, Công ty sẽ còn tiếp tục góp vốn để đạt đủ mức vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty Thủy sản Hiệp Thành Phát là: Sản xuất, kinh doanh và chế biến các loại thủy hải sản. Hiện tại, Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát đang trong quá trình xây dựng nhà xưởng.

(2) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát, với số lượng là 2.940.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần, giá trị của khoản đầu tư là 29.400.000.000 VND với tỷ lệ sở hữu là 39,2% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | 31/12/2022<br>VND      | 01/01/2022<br>VND      |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Bên liên quan</b>                    |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát    | -                      | 15.982.084             |
| <b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>      |                        |                        |
| Hợp tác xã Nuôi trồng Thủy sản Thốt Nốt | 53.721.320.500         | 96.540.650.500         |
| Trần Văn Kiệt (Hồng Ngự)                | 29.609.899.800         | 27.771.487.500         |
| Nguyễn Lê Duy Linh                      | 23.556.635.762         | 32.503.455.912         |
| Các khách hàng khác                     | 64.239.713.428         | 80.666.693.823         |
|   | <b>171.127.569.490</b> | <b>264.231.605.561</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán nhưng chưa được trích lập dự phòng với số tiền ước tính là 66.462.284.357 VND.

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | 31/12/2022<br>VND  | 01/01/2022<br>VND     |
|---|--------------------|-----------------------|
| <b>Các tổ chức khác</b>                     |                    |                       |
| Công ty TNHH Neo Bright                     | 152.021.760        | -                     |
| Công Ty Luật TNHH MTV Tuyên Thụy và Cộng Sự | 40.000.000         | 20.000.000            |
| Các nhà cung cấp khác                       | 12.129.167         | 13.238.582.610        |
|   | <b>204.150.927</b> | <b>13.258.582.610</b> |

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

|   | 31/12/2022           |                 | 01/01/2022           |                 |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|   | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b> |                      |                 |                      |                 |
| Tạm ứng án phí                              | 77.338.500           | -               | 81.338.500           | -               |
| Tạm ứng nhân viên                           | -                    | -               | 3.000.000            | -               |
| BHYT nộp thừa                               | 1.500.000            | -               | 148.050              | -               |
| Phải thu khác (*)                           | 2.753.366.894        | -               | 2.753.366.894        | -               |
|   | <b>2.832.205.394</b> | <b>-</b>        | <b>2.837.853.444</b> | <b>-</b>        |

(\*) Đây là khoản phát sinh từ trước năm 2013. Hiện tại Công ty không còn đủ hồ sơ và chứng từ hỗ trợ để thu hồi khoản nợ này, đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản nợ quá hạn này.

**5.6 Hàng tồn kho**

|                        | 31/12/2022            |                 | 01/01/2022            |                 |
|------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|                        | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| Hàng mua đang đi đường | 6.289.290.000         | -               | -                     | -               |
| Nguyên liệu, vật liệu  | 19.439.030.888        | -               | 23.620.692.317        | -               |
| Công cụ, dụng cụ       | 757.561.253           | -               | 562.593.578           | -               |
| Thành phẩm             | 4.797.113.358         | -               | 3.771.127.265         | -               |
|                        | <b>31.282.995.499</b> | <b>-</b>        | <b>27.954.413.160</b> | <b>-</b>        |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                  | 31/12/2022<br>VND | 01/01/2022<br>VND |
|------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí sửa chữa | 12.240.000        | -                 |
| Chi phí bảo hiểm | 39.127.000        | -                 |
| Công cụ dụng cụ  | 36.267.644        | -                 |
|                  | <u>87.634.644</u> | <u>-</u>          |

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

|                             | 31/12/2022<br>VND  | 01/01/2022<br>VND  |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí sửa chữa, xây dựng  | 318.606.125        | 199.937.324        |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 491.625.099        | 220.795.802        |
|                             | <u>810.231.224</u> | <u>420.733.126</u> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.8 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình**

|   | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Tài sản<br>khác<br>VND | Tổng cộng<br>VND      |
|---|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>   |                                  |                            |                               |                              |                        |                       |
| Tại ngày 01/01/2022   | 58.319.083.985                   | 20.880.938.940             | 3.841.081.696                 | 956.443.200                  | 600.000.000            | 84.597.547.821        |
| Tăng trong năm  | -                                | 170.000.000                | -                             | -                            | -                      | 170.000.000           |
| Tại ngày 31/12/2022   | 58.319.083.985                   | 21.050.938.940             | 3.841.081.696                 | 956.443.200                  | 600.000.000            | <b>84.767.547.821</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>   |                                  |                            |                               |                              |                        |                       |
| Tại ngày 01/01/2022   | 34.586.967.893                   | 15.960.986.715             | 3.770.598.969                 | 956.443.200                  | 600.000.000            | 55.874.996.777        |
| Khấu hao trong năm  | 2.856.891.552                    | 962.099.070                | 53.703.926                    | -                            | -                      | 3.872.694.548         |
| Tại ngày 31/12/2022   | 37.443.859.445                   | 16.923.085.785             | 3.824.302.895                 | 956.443.200                  | 600.000.000            | <b>59.747.691.325</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>  |                                  |                            |                               |                              |                        |                       |
| Tại ngày 01/01/2022   | 23.732.116.092                   | 4.919.952.225              | 70.482.727                    | -                            | -                      | 28.722.551.044        |
| Tại ngày 31/12/2022   | 22.303.670.316                   | 4.606.298.973              | 38.912.135                    | -                            | -                      | <b>26.948.881.424</b> |
| <i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i> |                                  |                            |                               |                              |                        |                       |
| Tại ngày 01/01/2022   | -                                | 1.882.387.940              | 2.007.226.169                 | 956.443.200                  | 600.000.000            | 5.446.057.309         |
| Tại ngày 31/12/2022   | -                                | 12.212.833.940             | 3.575.481.696                 | 956.443.200                  | 600.000.000            | 17.344.758.836        |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc được thế chấp tại ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/8149071/HĐBĐ và Hợp đồng số 02/2022/8149071/HĐBĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 với giá trị còn lại là 20.875.224.540 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 thế chấp toàn bộ TSCĐ HH với giá trị còn lại là 28.772.551.044 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.9 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định vô hình**

|                        | Quyền sử dụng<br>đất lâu dài<br>VND | Phần mềm<br>máy tính<br>VND | Tổng cộng<br>VND      |
|------------------------|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                                     |                             |                       |
| Tại ngày 01/01/2022    | 10.533.835.165                      | 30.000.000                  | 10.563.835.165        |
| Tại ngày 31/12/2022    | 10.533.835.165                      | 30.000.000                  | <b>10.563.835.165</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                                     |                             |                       |
| Tại ngày 01/01/2022    | -                                   | 30.000.000                  | 30.000.000            |
| Tại ngày 31/12/2022    | -                                   | 30.000.000                  | <b>30.000.000</b>     |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                                     |                             |                       |
| Tại ngày 01/01/2022    | 10.533.835.165                      | -                           | 10.533.835.165        |
| Tại ngày 31/12/2022    | 10.533.835.165                      | -                           | <b>10.533.835.165</b> |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

|                     |   |            |                   |
|---------------------|---|------------|-------------------|
| Tại ngày 01/01/2022 | - | 30.000.000 | 30.000.000        |
| Tại ngày 31/12/2022 | - | 30.000.000 | <b>30.000.000</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/8149071/HĐBĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 và Hợp đồng số 02/2022/8149071/HĐBĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 với giá trị còn lại là 10.533.835.165 VND.

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | 31/12/2022            |                                 | 01/01/2022            |                                 |
|---|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|   | Giá trị<br>VND        | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND        | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND |
| Công Ty TNHH Thương<br>Mại Đức Hy                   | 3.442.615.249         | 3.442.615.249                   | 2.150.370.849         | 2.150.370.849                   |
| Công Ty TNHH XNK Minh<br>Trang SG                   | 9.306.164.069         | 9.306.164.069                   | 487.457.415           | 487.457.415                     |
| Công Ty TNHH MTV TM<br>DV Nông Sản Hoàng Yên<br>Nhi | 1.894.730.000         | 1.894.730.000                   | 574.591.500           | 574.591.500                     |
| Công Ty TNHH Thủy Sản<br>Thắng Lợi Cà Mau           | 623.370.000           | 623.370.000                     | 1.799.550.000         | 1.799.550.000                   |
| Công Ty TNHH TM<br>Hương Trinh                      | 1.473.170.000         | 1.473.170.000                   | 264.374.000           | 264.374.000                     |
| Các nhà cung cấp khác                               | 3.922.016.317         | 3.922.016.317                   | 12.099.997.082        | 12.099.997.082                  |
|   | <b>20.662.065.635</b> | <b>20.662.065.635</b>           | <b>17.376.340.846</b> | <b>17.376.340.846</b>           |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                    | 31/12/2022<br>VND     | 01/01/2022<br>VND     |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Các tổ chức và cá nhân khác</b> |                       |                       |
| Nguyễn Hồ Trung Tín                | 11.890.868.000        | -                     |
| Nguyễn Văn Mừng                    | 11.262.780.554        | 1.940.381.139         |
| Nguyễn Khắc Phục                   | 4.059.740.250         | -                     |
| Các khách hàng khác                | 2.793.235.102         | 41.798.957.336        |
|                                    | <b>30.006.623.906</b> | <b>43.739.338.475</b> |

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước**

|                            | 01/01/2022           | Số phát sinh trong năm |                        | 31/12/2022           |
|----------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
|                            | Phải nộp<br>VND      | Số phải nộp<br>VND     | Số đã nộp<br>VND       | Phải nộp<br>VND      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.216.557.019        | 2.613.493.768          | (1.216.557.019)        | 2.613.493.768        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 2.691.750            | 58.269.900             | (59.806.886)           | 1.154.764            |
| Thuế tài nguyên            | 203.200              | 3.489.280              | (3.411.520)            | 280.960              |
| Các loại thuế khác         | -                    | 396.205.334            | (396.205.334)          | -                    |
|                            | <b>1.219.451.969</b> | <b>3.071.458.282</b>   | <b>(1.675.980.759)</b> | <b>2.614.929.492</b> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty sản xuất và kinh doanh sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp "TNDN"**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được ước tính như sau:

|   | Năm 2022<br>VND       | Năm 2021<br>VND      |
|---|-----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 13.044.509.677        | 8.384.026.285        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN: |                       |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng   | 22.959.161            | 1.063.486.416        |
| Thu nhập tính thuế  | <b>13.067.468.838</b> | <b>9.447.512.701</b> |
| Thuế suất thuế TNDN   |                       |                      |
| Thuế suất 15%   | -                     | 968.838.365          |
| Thuế suất 20%   | 2.613.493.768         | 597.718.654          |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | <b>2.613.493.768</b>  | <b>1.566.557.019</b> |

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                 | 31/12/2022<br>VND  | 01/01/2022<br>VND  |
|-----------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 196.093.535        | 114.762.587        |
| Tiền điện       | 61.981.345         | -                  |
| Chi phí bốc xếp | 67.400.135         | 95.327.770         |
|                 | <b>325.475.015</b> | <b>210.090.357</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

|   | 31/12/2022           | 01/01/2022           |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| <b>Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác</b> |                      |                      |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông                     | 222.375.000          | 982.740.000          |
| Kinh phí công đoàn                              | 196.334.102          | 139.168.490          |
| Phải trả các đối tượng khác                     | 4.139.297.401        | 9.065.616            |
|   | <b>4.558.006.503</b> | <b>1.130.974.106</b> |

**5.15 Vay ngắn hạn**

|   | 31/12/2022             |                        | 01/01/2022             |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
|   | VND                    | VND                    | VND                    | VND                    |
| <b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</b>                       |                        |                        |                        |                        |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Bà Chiểu | 179.996.848.500        | 179.996.848.500        | 179.974.568.107        | 179.974.568.107        |
|   | <b>179.996.848.500</b> | <b>179.996.848.500</b> | <b>179.974.568.107</b> | <b>179.974.568.107</b> |

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Chiểu theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/8149071/HĐTĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, chi tiết như sau:

|                       |  |
|-----------------------|--|
| Mục đích              | : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh   |
| Hạn mức               | : 180.000.000.000 VND  |
| Thời hạn              | : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức, ngày đáo hạn 31/10/2023.   |
| Lãi suất              | : Theo quy định của BIDV từng thời kỳ  |
| Hình thức đảm bảo     | : Tỷ lệ tài sản đảm bảo sau quy đổi tối thiểu là 70% tại mọi thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các tài sản đảm bảo đang thế chấp tại BIDV - CN Bà Chiểu – xem thêm thuyết minh mục 5.8 và 5.9. |
| Dư nợ ngày 31/12/2022 | : 179.996.848.500 VND  |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

|                        | 01/01/2022             | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | 31/12/2022             |
|------------------------|------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------|
|                        | VND                    | VND                            | VND                         | VND                    |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 179.993.864.176        | 574.591.289.687                | (574.569.009.294)           | 179.996.848.500        |
|                        | <b>179.993.864.176</b> | <b>574.591.289.687</b>         | <b>(574.569.009.294)</b>    | <b>179.996.848.500</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu "CSH"**

|                         | Vốn đầu tư<br>của CSH<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối<br>VND | Cộng<br>VND            |
|-------------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Số dư 01/01/2021        | 125.000.000.000              | 799.603.018                     | 9.238.861.379                      | 135.038.464.397        |
| Lãi trong năm           | -                            | -                               | 6.817.469.266                      | 6.817.469.266          |
| Chia cổ tức             | -                            | -                               | (6.250.000.000)                    | (6.250.000.000)        |
| <b>Số dư 31/12/2021</b> | <b>125.000.000.000</b>       | <b>799.603.018</b>              | <b>9.806.330.645</b>               | <b>135.605.933.663</b> |
| Số dư 01/01/2022        | 125.000.000.000              | 799.603.018                     | 9.806.330.645                      | 135.605.933.663        |
| Lãi trong năm           | -                            | -                               | 10.431.015.909                     | 10.431.015.909         |
| Trích quỹ               | -                            | 2.045.240.780                   | (2.045.240.780)                    | -                      |
| <b>Số dư 31/12/2022</b> | <b>125.000.000.000</b>       | <b>2.844.843.798</b>            | <b>18.192.105.774</b>              | <b>146.036.949.572</b> |

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| Cổ đông          | 31/12/2022             |                | 01/01/2022             |                |
|------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
|                  | VND                    | Tỷ lệ (%)      | VND                    | Tỷ lệ (%)      |
| Ông Võ Đình Ân   | 89.967.200.000         | 71,97%         | 89.967.200.000         | 71,97%         |
| Các cổ đông khác | 35.032.800.000         | 28,03%         | 35.032.800.000         | 28,03%         |
|                  | <b>125.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> | <b>125.000.000.000</b> | <b>100,00%</b> |

**Cổ phiếu**

|  | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|------------|
|  | Cổ phiếu   | Cổ phiếu   |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 12.500.000 | 12.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng |            |            |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 12.500.000 | 12.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         |            |            |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -          | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        |            |            |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 12.500.000 | 12.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**Phân phối lợi nhuận:**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 14 tháng 06 năm 2022 như sau:

|                               | VND           |
|-------------------------------|---------------|
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | 2.045.240.780 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

|                | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|----------------|------------|------------|
| Đô la Mỹ (USD) | 191,28     | 204,48     |

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                          | Năm 2022<br>VND        | Năm 2021<br>VND        |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa   | 76.121.941.900         | 48.379.808.700         |
| Doanh thu bán thành phẩm | 562.401.054.670        | 359.687.166.800        |
| <b>Doanh thu thuần</b>   | <b>638.522.996.570</b> | <b>408.066.975.500</b> |

**6.2 Giá vốn hàng bán**

|                        | Năm 2022<br>VND        | Năm 2021<br>VND        |
|------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán hàng hóa   | 66.829.782.650         | 34.891.757.120         |
| Giá vốn bán thành phẩm | 547.739.712.136        | 355.411.502.765        |
|                        | <b>614.569.494.786</b> | <b>390.303.259.885</b> |

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                       | Năm 2022<br>VND      | Năm 2021<br>VND      |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi          | 5.697.915            | 1.253.827            |
| Lãi bán hàng trả chậm | 1.924.168.331        | 4.617.694.079        |
|                       | <b>1.929.866.246</b> | <b>4.618.947.906</b> |

**6.4 Chi phí tài chính**

|   | Năm 2022<br>VND       | Năm 2021<br>VND       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay   | 10.305.816.023        | 10.751.585.149        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối kỳ | 151.562               | 384.832               |
|   | <b>10.305.967.585</b> | <b>10.751.969.981</b> |

**6.5 Chi phí bán hàng**

|                            | Năm 2022<br>VND   | Năm 2021<br>VND    |
|----------------------------|-------------------|--------------------|
| Chi phí nhân viên bán hàng | 47.215.000        | 156.238.896        |
|                            | <b>47.215.000</b> | <b>156.238.896</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                   | Năm 2022<br>VND      | Năm 2021<br>VND      |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý         | 1.069.068.092        | 808.082.996          |
| Chi phí khấu hao                  | 245.545.848          | 245.545.848          |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 1.078.932.732        | 2.017.997.704        |
|                                   | <b>2.393.546.672</b> | <b>3.071.626.548</b> |

**6.7 Thu nhập khác**

|               | Năm 2022<br>VND  | Năm 2021<br>VND  |
|---------------|------------------|------------------|
| Thu nhập khác | 6.168.464        | 6.871.317        |
|               | <b>6.168.464</b> | <b>6.871.317</b> |

**6.8 Chi phí khác**

|                              | Năm 2022<br>VND   | Năm 2021<br>VND   |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi phạt chậm nộp thuế       | 2.520.491         | 21.467.227        |
| Tiền phạt vi phạm hành chính | 10.035.000        | -                 |
| Chi phí khác                 | 85.742.069        | 4.205.901         |
|                              | <b>98.297.560</b> | <b>25.673.128</b> |

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|  | Năm 2022              | Năm 2021             |
|--|-----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)   | 10.431.015.909        | 6.817.469.266        |
| Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -                     | -                    |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)  | <b>10.431.015.909</b> | <b>6.817.469.266</b> |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)   | 12.500.000            | 12.500.000           |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)  | <b>834</b>            | <b>545</b>           |

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm 2022<br>VND        | Năm 2021<br>VND        |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí hàng hoá                 | 53.614.980.400         | 48.364.565.530         |
| Chi phí nguyên vật liệu          | 539.217.704.790        | 343.188.267.624        |
| Chi phí nhân viên                | 7.130.208.135          | 4.675.217.313          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.872.694.548          | 3.973.800.972          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.167.936.886          | 837.057.616            |
| Chi phí bằng tiền khác           | 16.744.576.717         | 12.108.712.616         |
|                                  | <b>621.748.101.476</b> | <b>413.147.621.671</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

|   | Năm 2022<br>VND        | Năm 2021<br>VND        |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 574.591.289.687        | 441.393.061.653        |
|   | <u>574.591.289.687</u> | <u>441.393.061.653</u> |

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

|  | Năm 2022<br>VND        | Năm 2021<br>VND        |
|--|------------------------|------------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 574.569.009.294        | 441.412.357.722        |
|  | <u>574.569.009.294</u> | <u>441.412.357.722</u> |

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

|                                  | Dưới 1 năm<br>VND      | Từ 1 đến 5 năm<br>VND | Tổng cộng<br>VND       |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b> |                        |                       |                        |
| Các khoản vay và nợ              | 179.996.848.500        | -                     | 179.996.848.500        |
| Phải trả người bán               | 20.662.065.635         | -                     | 20.662.065.635         |
| Chi phí phải trả                 | 325.475.015            | -                     | 325.475.015            |
| Các khoản phải trả khác          | 4.361.672.401          | -                     | 4.361.672.401          |
|                                  | <b>205.346.061.551</b> | <b>-</b>              | <b>205.346.061.551</b> |
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b> |                        |                       |                        |
| Các khoản vay và nợ              | 179.974.568.106        | -                     | 179.974.568.106        |
| Phải trả người bán               | 17.376.340.846         | -                     | 17.376.340.846         |
| Chi phí phải trả                 | 210.090.357            | -                     | 210.090.357            |
| Các khoản phải trả khác          | 991.805.616            | -                     | 991.805.616            |
|                                  | <b>198.552.804.925</b> | <b>-</b>              | <b>198.552.804.925</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố bất động sản của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8 và 5.9).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2021.

**iv. Giá trị hợp lý**

*So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

|  | Giá trị ghi sổ         |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|  | 31/12/2022<br>VND      | 31/12/2021<br>VND      | 31/12/2022<br>VND      | 31/12/2021<br>VND      |
| <b>Tài sản tài chính</b>                         |                        |                        |                        |                        |
| Phải thu khách hàng –<br>bên liên quan           | -                      | 15.982.084             | -                      | 15.982.084             |
| Phải thu khách hàng –<br>tổ chức và cá nhân khác | 171.127.569.490        | 236.444.135.977        | 171.127.569.490        | 236.444.135.977        |
| Phải thu khác                                    | 78.838.500             | 2.834.705.394          | 78.838.500             | 2.834.705.394          |
| Tiền và các khoản tương<br>đương tiền            | 3.967.692.981          | 734.498.144            | 3.967.692.981          | 734.498.144            |
|  | <b>175.174.100.971</b> | <b>240.029.321.599</b> | <b>175.174.100.971</b> | <b>240.029.321.599</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

|                              | Giá trị ghi sổ         |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                              | 31/12/2022<br>VND      | 31/12/2021<br>VND      | 31/12/2022<br>VND      | 31/12/2021<br>VND      |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b> |                        |                        |                        |                        |
| Vay và nợ                    | 179.996.848.500        | 179.974.568.106        | 179.996.848.500        | 179.974.568.106        |
| Phải trả người bán           | 20.662.065.635         | 17.376.340.846         | 20.662.065.635         | 17.376.340.846         |
| Chi phí phải trả             | 325.475.015            | 210.090.357            | 325.475.015            | 210.090.357            |
| Các khoản phải trả khác      | 4.361.672.401          | 991.805.616            | 4.361.672.401          | 991.805.616            |
|                              | <b>205.346.061.551</b> | <b>198.552.804.925</b> | <b>205.346.061.551</b> | <b>198.552.804.925</b> |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

|  |               | Năm 2022<br>VND | Năm 2021<br>VND |
|--|---------------|-----------------|-----------------|
| <b>Tiền lương và các khoản thu nhập khác</b> |               |                 |                 |
| Ông Nguyễn Thanh Hà                          | Tổng giám đốc | 203.640.000     | 201.620.000     |

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

| Bên liên quan                         | Nội dung nghiệp vụ       | Năm 2022<br>VND | Năm 2021<br>VND |
|---------------------------------------|--------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát | Góp vốn đầu tư           | 108.000.000.000 | -               |
| Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát  | Cán trừ công nợ bán hàng | 12.508.085.915  | -               |
|                                       | Bán nguyên vật liệu      | -               | 55.129.876.131  |
| Ông Võ Đình Hải                       | Trả tiền mượn            | -               | 34.335.375.083  |
|                                       | Mượn tiền                | -               | 34.103.019.606  |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan:

| Bên liên quan                        | Nội dung            | 31/12/2022<br>VND | 01/01/2022<br>VND |
|--------------------------------------|---------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát | Phải thu thương mại | -                 | 15.982.084        |

**9.2 Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**9.3 Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 27.726.973.313 VND. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Công ty có thể tạo ra đủ dòng tiền cho các hoạt động của mình và việc các ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục cung cấp đầy đủ các hạn mức tín dụng. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**DƯƠNG NGỌC THU**  
Người lập biểu**NGUYỄN THỊ KIỀU**  
Kế toán trưởng**NGUYỄN THANH HÀ**  
Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 27 tháng 03 năm 2023